

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày: 28 - 03 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Thương

2. Ông Lê Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hà là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2023/TLST-HS, ngày 22 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1993 tại tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: **Tổ E, thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Đức Đ** và bà **Nguyễn Thị P**; Vợ: **Trần Thị Diệu L**, con có 01 người; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại:

- Phan Vũ L1, năm 1988; Nơi cư trú: **Tổ E, thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1973. Có mặt.

- Nguyễn Thị Nhật K, sinh năm 1990. Có mặt.

Cùng nơi cư trú: Tô E, thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người làm chứng:

- Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1973. Có mặt.

- Nguyễn Thị P, sinh năm 1972. Có mặt

- Nguyễn Thị Nhật K, sinh năm 1990. Có mặt.

- Phạm Thị Ý, sinh năm 1955. Vắng mặt.

- Đoàn Thị X, sinh năm 1964. Vắng mặt.

- Nguyễn Đình C, sinh năm 1970. Vắng mặt.

- Nguyễn Đức T1, sinh năm 1998. Có mặt.

- Trần Điệp S, sinh năm 1952. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Tô E, thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Nguyễn Đức D, sinh năm 2002; nơi cư trú: thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

- Nguyễn Quang H, sinh năm 1957; nơi cư trú: thôn C, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 26/05/2022 Phan Vũ L1, sinh năm 1988, trú tại thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận leo lên mái tôn phía sau nhà ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1973, trú tại thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận để tìm bắt chim làm nết tằm tôn xi măng. Ông Nguyễn Đức Đ nghe tiếng động nên đi ra sau nhà thấy L1 đang ở trên mái tôn xi măng. Nguyễn Đức Đ và Phan Vũ L1 xảy ra cãi nhau. Sau đó Phan Vũ L1 đi ra phía trước để tìm ông Nguyễn Đức Đ thì bà Nguyễn Thị Nhật K (vợ của Phan Vũ L1) ngăn cản. Phan Vũ L1 lấy 01 cây rựa trong sân nhà ông Nguyễn Đức Đ thì bà Nguyễn Thị P sinh năm 1972 (vợ của ông Đ) đến can ngăn. L1 dùng tay chân đánh trúng vào mặt, ngực bụng của bà P. Bà Nguyễn Thị P la lên “Mắc mớ chi mi quỳnh tau”, ông Nguyễn Đức Đ nghe vợ la nên gọi điện thoại cho con ruột Nguyễn Đức T, sinh năm 1993 nói “Mẹ mày bị người khác đánh”. Nguyễn Thị Nhật K đến can ngăn thì Phan Vũ L1 tay cầm cây rựa đi ra ngoài đường.

Khoảng 05 phút sau, Nguyễn Đức T điều khiển xe máy đi về đến nhà, Nguyễn Đức T bước xuống xe vào sân nhà ông Đ và nói “Thằng nào phá nhà, thằng nào đập mẹ tau”. Phan Vũ L1 nghe thấy Nguyễn Đức T nói nên tay cầm cây rựa đi vào trong

sân nhà ông Đ. T thấy L1 tay cầm rựa đi đến nên T lấy 01 khúc cây sắt hình tròn dài 160cm, đường kính 2,2cm, một đầu xéo nhọn ở góc tường, hai tay cầm khúc cây sắt đứng đối diện đâm trúng vào mắt trái của Phan Vũ L1. Nguyễn Thị Nhật K, bà Nguyễn Thị P đến can ngăn chụp giật lấy khúc cây sắt ném vào góc sân nhà. Nguyễn Thị Nhật K dẫn Phan Vũ L1 đi ra khỏi sân nhà ông Đ và được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ1 rồi chuyển đến Bệnh viện C1 điều trị vết thương.

Tại Bản kết luận giám định thương tích số 375/2022/TgT ngày 07/07/2022, của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận thương tích của Phan Vũ L1 như sau:

- Chấn thương – vết thương phức tạp mi trên mắt trái, thấu nhãn cầu mắt trái, vỡ xương trần ở mắt trái, vỡ xoang hàm trái đã được điều trị, hiện còn xuất huyết kết mạc mắt trái, thị lực mắt trái 5/10, kính lỗ tăng: 6/10; để lại sẹo hình vòng cung kích thước: 5 x 0,2cm; hiện tại không thấy vỡ xoang hàm trái trên phim CT - Scanner. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 5% + 5%+6%.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Phan Vũ L1 hiện tại là: 15% (Một năm phần trăm).

- Vết thương – chấn thương do vật tày có cạnh gây ra;

- Vết thương – chấn thương có chiều hướng tác động từ trước ra sau.

Tại Bản kết luận giám định thương tích số 557/2022/TgT ngày 13/10/2022, Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận thương tích của bà Nguyễn Thị P như sau:

- Đa vết sưng nề bầm tím vùng đầu, má phải, hàm trái, ngực trái, bụng trái đã được điều trị, hiện không còn dấu vết. Không đủ cơ sở xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

- Trật khớp thái dương-hàm phải không có trong giấy chứng nhận thương tích nên không đủ cơ sở để tính tỷ lệ tổn thương cơ thể.

- Không đủ cơ sở xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

- Không đủ cơ sở xác định vật gây thương.

- Không đủ cơ sở xác định chiều hướng lực tác động gây thương.

Vật chứng thu giữ: 01 (Một) khúc cây sắt hình tròn dài 160cm, đường kính 2,2cm, một đầu xéo nhọn; 01 (Một) khúc cây Inox hình tròn dài 147cm, đường kính 2,2cm, một đầu móp kích thước (3,5 x 2,4) cm, một đầu gãy nhám nhỡ kích thước (3,8 x 2,6) cm; 01 (Một) cây rựa dài 60 cm, cán gỗ tròn dài 27cm, lưỡi kim loại bằng sắt dài 33cm.

Về dân sự: Nguyễn Đức T đã bồi thường 50.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKS-HS ngày 21/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa:

Bị cáo **Nguyễn Đức T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông **Phan Vũ L1** yêu cầu **Nguyễn Đức T** bồi thường các khoản bao gồm:

Chi phí điều trị, tiền xe số tiền 77.000.000 đồng.

Tiền thu nhập bị mất của ông **L1** và người chăm sóc, chi phí bồi dưỡng, chi phí phục hồi sức khỏe cho ông **L1**, chi phí người chăm sóc 150.000.000 đồng.

Tiền tổn thất tinh thần 30.000.000 đồng.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

Về điều luật: Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố **Nguyễn Đức T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T** mức án 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo **Nguyễn Đức T** bồi thường cho **Phan Vũ L1** số tiền 50.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường đủ.

Về vật chứng: Đề nghị trả lại cho ông **Nguyễn Đức Đ** 01 (Một) khúc cây sắt hình tròn dài 160cm, đường kính 2,2cm, một đầu xéo nhọn; 01 (Một) khúc cây inox hình tròn dài 147cm, đường kính 2,2cm, một đầu móp kích thước (3,5 x 2,4) cm, một đầu gãy nhám nhỡ kích thước (3,8 x 2,6) cm; 01 (Một) cây rựa dài 60 cm, cán gỗ tròn dài 27cm, lưỡi kim loại bằng sắt dài 33cm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, về trách nhiệm hình sự không có ý kiến tranh luận, về trách nhiệm dân sự bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức bồi thường theo quy định của pháp luật.

Người bị hại không đồng ý với mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và mức bồi thường dân sự mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Ngoài ra không tranh luận gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Đức Đ**: Đề nghị không nhận lại các vật chứng, ngoài ra không tranh luận gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Nhật K**: Mức bồi thường bà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Ngoài ra không tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Việc Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với bị cáo 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm là căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, nhân thân của bị cáo. Trong đó, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định. Nên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Đối với mức bồi thường, theo hồ sơ vụ án phía bị hại chỉ cung cấp được một số hóa đơn chứng từ, trong khi bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng, nên Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức bồi thường này là phù hợp. Đối với vấn đề hình phạt và mức bồi thường đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo luật định.

Lời nói sau cùng:

Bị cáo gửi lời xin lỗi người bị hại, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật; Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa vắng mặt một số người làm chứng nhưng không có lý do, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng người làm chứng tại phiên tòa là phù hợp quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi và tội danh:

Vào khoảng 14 giờ ngày 26/5/2022, giữa ông **Nguyễn Đức Đ** và **Phan Vũ L1** xảy ra cãi vã nhau về việc **Phan Vũ L1** leo lên mái tôn bắt chim làm vỡ tôn nhà ông **Đ**, khi được bà **Nguyễn Thị Nhật K** (là vợ **L1**) và bà **Nguyễn Thị P** (vợ ông **Đ**) can ngăn thì **Phan Vũ L1** dùng tay đánh bà **P**, nên ông **Đ** gọi điện thoại cho **Nguyễn Đức T** về xem sao. Sau khi nhận được điện thoại của ông **Nguyễn Đức Đ** (là cha ruột) về

việc bà Nguyễn Thị P (là mẹ) bị đánh, nên Nguyễn Đức T, sinh năm 1993 đang đi chơi, điều khiển xe đi về nhà. Khi về đến nhà Nguyễn Đức T bước xuống xe đi vào sân nhà ông Đ và nói “*Thằng nào phá nhà, thằng nào đập mẹ tau*”. Phan Vũ L1 nghe thấy Nguyễn Đức T nói vậy nên tay cầm cây rựa đi vào trong sân nhà ông Nguyễn Đức Đ. Nguyễn Đức T thấy Phan Vũ L1 tay cầm rựa đi đến nên lấy 01 khúc cây sắt hình tròn dài 160cm, đường kính 2,2cm, một đầu xéo nhọn ở góc tường, hai tay cầm khúc cây sắt đứng đối diện đâm trúng vào mắt trái của Phan Vũ L1 gây thương tích.

Nguyễn Đức T là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhưng đã sử dụng 01 khúc cây sắt là hung khí nguy hiểm đánh Phan Vũ L1 gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 15% (*Một năm phần trăm*) là đã trực tiếp xâm phạm đến khách thể là sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” với tình tiết định khung tăng nặng “*dùng hung khí nguy hiểm*” với tội danh và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo:

Hành vi của Nguyễn Đức T là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Hành vi của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân. Cho nên, cần xem xét hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm để răn đe giáo dục bị cáo thành người biết tôn trọng pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) khắc phục hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra bị cáo phạm tội lần đầu, hành vi phạm tội của bị cáo cũng có một phần lỗi của người bị hại (*đánh mẹ bị cáo*). Nên cần cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật

hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi bị **Nguyễn Đức T** gây thương tích **Phan Vũ L1** đã điều trị tại Bệnh Viện Đa khoa khu vực **N**, sau đó chuyển tuyến tại **Bệnh Viện Chợ rẫy - Thành Phố C1** từ ngày 26/5/2022 đến ngày 02/6/2022; điều trị tại **Bệnh Viện Răng Hàm Mặt Trung ương Thành Phố C1** từ ngày 12/01/2023 đến ngày 06/02/2023, đồng thời trong quá trình đó còn điều trị tại **Bệnh Viện Đ2-Bình Thuận** và nhiều lần tái khám, quá trình đó, do bà **Nguyễn Thị Nhật K** trực tiếp chăm sóc. Do đó, yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bị hại là có căn cứ.

1. Về chi phí khám, chữa bệnh; thuê phương tiện đưa ông **L1** đi điều trị tại các cơ sở y tế: (Vé xe **Đức L2** đi Thành Phố Hồ Chí Minh trung bình là 250.000 đồng/lần/người; **Đức L2** đi **P** là 150.000 đồng/lượt/người).

- Về chi phí khám, chữa bệnh; thuê phương tiện đưa ông **L1** đi điều trị tại **Bệnh viện Đ1**: 1.122.242 đồng.

- Về chi phí khám, chữa bệnh; thuê phương tiện đưa ông **L1** đi điều trị tại **Bệnh viện C1-Thành Phố Hồ Chí Minh**:

+ Tại Bệnh viện Chợ rẫy từ ngày 26/5/2022-02/6/2022: 551.000 đồng;

+ Tái khám ngày 13/6/2022, về ngày 14/6/2022: 2.085.460 đồng;

+ Tái khám ngày 27/6/2022: 3.734.110 đồng;

+ Tái khám ngày 26/7/2022: 1.507.000 đồng;

+ Tái khám ngày 16/8/2022: 1.546.207 đồng;

+ Tái khám ngày 20/9/2022: 1.444.680 đồng;

+ Tái khám ngày 19/10/2022: 1.693.360 đồng;

+ Tái khám ngày 21/12/2022: 1.346.680 đồng;

+ Tái khám ngày 31/3/2023: 1.038.700 đồng;

- Về chi phí khám, chữa bệnh; thuê phương tiện đưa ông **L1** đi điều trị tại **Viện Răng Hàm Mặt Trung ương Thành Phố H**:

+ Ngày 21/12/2022: 1.050.000 đồng;

+ Từ ngày 12/01/2023 đến ngày 06/02/2023: 39.235.853 đồng;

+ Tái khám ngày 15/02/2023: 1.150.000 đồng;

- Về chi phí khám, chữa bệnh; thuê phương tiện đưa ông L1 đi điều trị tại Bệnh viện Đ2-Bình Thuận:

+ Ngày 01/7/2022: 400.000 đồng. (Đi xe cùng Cơ quan cảnh sát điều tra, nên chỉ tính chi phí khám, chữa bệnh).

+ Ngày 04/7/2022: 1.600.000 đồng.

2. Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho ông L1 trong thời gian điều trị.

- Trong thời gian điều trị tại Bệnh viện C2 từ ngày 26/5/2022 đến ngày 02/6/2022 là 07 ngày, một ngày lương tối thiểu vùng tại Thành phố Hồ Chí Minh là 180.000 đồng/ngày (4.680.000đồng/tháng/26/ngày) là 1.260.000 đồng;

- Trong thời gian điều trị điều trị tại Bệnh Viện C1-Thành Phố Hồ Chí Minh từ ngày 12/01/2023 đến ngày 06/02/2023 là 26 ngày, một ngày lương tối thiểu vùng tại Thành phố Hồ Chí Minh là 180.000 đồng/ngày (4.680.000đồng/tháng/26/ngày) là 4.680.000 đồng;

3. Chi phí phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút: 10.000.000 đồng.

4. Thu nhập thực tế bị mất:

Trong thời gian điều trị tại Bệnh viện C3 và Bệnh viện Bệnh Viện Răng Hàm Mặt Trung ương - Thành Phố C1 bị hại mất thu nhập, bản thân bị hại làm nghề tài xế, nên lấy mức thu nhập bình quân là 500.000 đồng/ngày.

- Thu nhập bị mất trong thời gian điều trị tại Bệnh Viện Chợ rẫy từ ngày 26/5/2022 đến ngày 02/6/2022 là 07 ngày x 500.000đồng/ngày = 3.500.000 đồng;

- Thu nhập bị mất trong thời gian điều trị tại Bệnh Viện C1-Thành Phố Hồ Chí Minh từ ngày 12/01/2023 đến ngày 06/02/2023 là 26 ngày x 500.000 đồng/ngày = 13.000.000 đồng;

5. Thu nhập bị giảm sút:

Thực tế sau khi bị hại điều trị tại Bệnh viện C1 và xuất viện ngày 02/6/2022 thì sau đó bị hại nhiều lần tái khám tại Bệnh viện C1, Bệnh viện Đ2-Bình Thuận, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương - Thành Phố C1 và ngày 12/01/2023 bị hại tiếp tục nhập viện điều trị tại Bệnh viện C1-Thành Phố Hồ Chí Minh, do đó, có cơ sở xác định sau ngày 02/6/2022 cho đến khi nhập Bệnh viện C1-Thành Phố Hồ Chí Minh bị hại bị giảm sút về thu nhập, nên chấp nhận cho bị hại, mỗi ngày bằng 50% ngày thường, với thời gian là 07 tháng x 250.000 đồng/ngày (26 ngày/tháng) = 45.000.000 đồng.

6. Tổn thất tinh thần chấp nhận cho bị hại 10 tháng lương cơ sở là 14.900.000 đồng.

7. Chi phí hợp lý cho người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị:

Trong thời gian bị hại điều trị tại Bệnh Viện Chợ rẫy từ ngày 26/5/2022 đến ngày 02/6/2022 và trong thời gian điều trị điều trị tại **Bệnh viện C1-Thành Phố Hồ Chí Minh** từ ngày 12/01/2023 đến ngày 06/02/2023 do bà **Nguyễn Thị Nhật K** chăm sóc, bản thân bà **K** có thu nhập bình quân là 200.000 đồng/ngày, nên được chấp nhận gồm:

- Lần đi ngày 26/5/2022, về ngày 02/6/2022 là 500.000 đồng;
- Lần đi ngày 12/01/2023, về ngày 06/02/2023 là 500.000 đồng.

Trong quá trình này người chăm sóc ở cùng với bị hại tại các cơ sở y tế nên không tính tiền thuê nhà trọ.

8. Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại:

- Thu nhập bị mất trong thời gian điều trị tại Bệnh Viện Chợ rẫy từ ngày 26/5/2022 đến ngày 02/6/2022 là 07 ngày x 200.000đồng/ngày = 1.400.000 đồng;
- Thu nhập bị mất trong thời gian điều trị tại **Bệnh Viện Răng Hàm Mặt Trung ương Thành phố C1** từ ngày 12/01/2023 đến ngày 06/02/2023 là 26 ngày x 200.000 đồng/ngày = 5.200.000 đồng;

Tổng số tiền được chấp nhận là 159.445.292 đồng, bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo tiếp tục phải bồi thường số tiền còn phải bồi thường.

[5] Về vật chứng: 01 (Một) khúc cây sắt hình tròn dài 160cm, đường kính 2,2cm, một đầu xéo nhọn; 01 (Một) khúc cây inox hình tròn dài 147cm, đường kính 2,2cm, một đầu móp kích thước (3,5 x 2,4)cm, một đầu gãy nham nhở kích thước (3,8 x 2,6)cm; 01 (Một) cây rựa dài 60 cm, cán gỗ tròn dài 27cm, lưỡi kim loại bằng sắt dài 33cm. Đây là các tài sản của ông **Nguyễn Đức Đ**, tại phiên tòa ông **Đ** không có yêu cầu nhận lại và hiện những vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[6] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong điều tra, truy tố:

Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo **Nguyễn Đức T** Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra **công an huyện Đ**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Đối với hành vi của **Phan Vũ L1** dùng tay đánh bà **Nguyễn Thị P**, nhưng không đủ cơ sở xác định thương tật nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an không xử lý hành sự mà xử lý hành chính là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định. Đối với án phí dân sự sơ thẩm do bị cáo đã bồi thường trực tiếp cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu án phí dân sự đối với số tiền còn phải thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điểm a, c khoản 1 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; các Điều 293, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 357, 468; khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

2. Tuyên bố: **Nguyễn Đức T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Phạt: **Nguyễn Đức T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/3/2023).

Giao **Nguyễn Đức T** cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc **Nguyễn Đức T** phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông **Phan Vũ L1** số tiền 159.445.292 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi hai đồng). Bị cáo đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng

(Năm mươi triệu đồng), nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 109.445.292 đồng (Một trăm lẻ chín triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) khúc cây sắt hình tròn dài 160cm, đường kính 2,2cm, một đầu xéo nhọn; 01 (Một) khúc cây inox hình tròn dài 147cm, đường kính 2,2cm, một đầu móp kích thước (3,5 x 2,4)cm, một đầu gãy nhám nhỡ kích thước (3,8 x 2,6)cm; 01 (Một) cây rựa dài 60 cm, cán gỗ tròn dài 27cm, lưỡi kim loại bằng sắt dài 33cm. (Hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/3/2023).

5. Về án phí:

Buộc **Nguyễn Đức T** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.472.264 đồng (Năm triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Linh;
- CQTHAHS - Công an huyện Đức Linh;
- Sở Tư pháp Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh (khi có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã MêPu, huyện Đức Linh;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Trường

